

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 232/GP-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Bảng kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 05/10/2021 của Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1125/TTr-STNMT ngày 12/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 232/GP-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn;
 - Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
 - Mã số thuế: 2800225944.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Trạm bơm khai thác nước mặt Kênh Chính Bái Thượng, đoạn chảy qua thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chỉ phục vụ hoạt động của Nhà máy Giấy Mực Sơn; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi Công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 40.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng cho hoạt động sản xuất phi nông nghiệp);

- $G_2 = 3.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng cho vệ sinh công nghiệp, tạo hơi).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

- Sản lượng dùng cho sản xuất phi nông nghiệp (rửa nguyên liệu):

$$W_1 = 170 \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)} \times 1.825 \text{ (ngày)} \times 340/365 \text{ ngày} = 289.000 \text{ (m}^3\text{)};$$

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp:

$$W_2 = 404 \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)} \times 1.825 \text{ (ngày)} \times 340/365 \text{ ngày} = 686.800 \text{ (m}^3\text{)};$$

- Sản lượng dùng cho tạo hơi:

$$W_3 = 360 \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)} \times 1.825 \text{ (ngày)} \times 340/365 \text{ ngày} = 612.000 \text{ (m}^3\text{)};$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước tính từ ngày 07/12/2021 đến hết ngày 07/12/2026 (theo hiệu lực của Giấy phép số 232/GP-UBND ngày 16/11/2021);

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 1,5 \%$ (Mức thu dùng cho hoạt động sản xuất phi nông nghiệp);

- $M_2 = 0,2 \%$ (Mức thu dùng cho làm mát, tạo hơi).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

a) Số tiền phải nộp cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp (rửa nguyên liệu):

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 289.000 \text{ (m}^3\text{)} \times 40.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1,6 \times 1,5 \%$$

$$= 277.440.000 \text{ đồng};$$

b) Số tiền phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$$T_2 = W_2 \times G_2 \times K \times M_1 = 686.800 \text{ (m}^3\text{)} \times 3.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1,6 \times 1,5 \%$$

$$= 49.449.600 \text{ đồng};$$

c) Số tiền phải nộp cho mục đích tạo hơi:

$$T_3 = W_3 \times G_2 \times K \times M_2 = 612.000 \text{ (m}^3\text{)} \times 3.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1,6 \times 0,2 \%$$

$$= 5.875.200 \text{ đồng};$$

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2 + T_3 = 332.764.800 \text{ đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm đồng)}.$$

Trong đó phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2021 (tính từ ngày 07/12/2021 đến 31/12/2021) là: 4.558.000 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2022-2025): 66.553.000 đồng/năm;

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng 2026 (tính đến hết ngày 06/12/2026): 61.994.800 đồng.

9. Phương án nộp tiền: Nộp 1 lần/năm.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15/12*); đồng thời, chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Thọ Xuân; UBND thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chủ tịch UBND thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân; Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC (KTH.21.61349).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi